



JMU
JAMES MADISON
UNIVERSITY

KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ LẦN THỨ X

THE 10TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION



UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES,
HUE UNIVERSITY

57 Nguyen Khoa Chiem, Hue City, VietNam
(+84) 234.3830 677
huffis@hueuni.edu.vn ; huefi@hueuni.edu.vn
huffis.edu.vn



Sách không bán

NHIỀU TÁC GIẢ

NHIỀU TÁC GIẢ
KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ LẦN THỨ X
THE 10TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS: INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION

HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES,
HUE UNIVERSITY



JMU
JAMES MADISON
UNIVERSITY

NHIỀU TÁC GIẢ

KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ LẦN THỨ X

THE 10TH INTERNATIONAL CONFERENCE PROCEEDINGS:
INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION



HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ
UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES
HUE UNIVERSITY



JMU
JAMES MADISON
UNIVERSITY

**THE 10TH INTERNATIONAL CONFERENCE
PROCEEDINGS:**

**INTERDISCIPLINARY RESEARCH IN
LINGUISTICS AND LANGUAGE EDUCATION**

**KỶ YẾU HỘI THẢO QUỐC TẾ
NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH
VỀ NGÔN NGỮ VÀ GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ
LẦN THỨ X**

HUE UNIVERSITY PUBLISHING HOUSE

Hue, 2025

MỤC LỤC

PHIÊN TOÀN THỂ 1.....	1
PLENARY SESSION 1	1
ENHANCING STUDENTS' EMPLOYABILITY SKILLS THROUGH ENGLISH LANGUAGE EDUCATION: A DISCOURSE ANALYSIS APPROACH.....	2
PHIÊN TOÀN THỂ 2.....	16
PLENARY SESSION 2	16
ARTIFICIAL INTELLIGENCE UNVEILED: FROM FUNDAMENTAL UNDERSTANDING THROUGH PRACTICAL INTEGRATION TO TOOL CREATION.....	17
NGÔN NGỮ VÀ DỊCH THUẬT	18
LINGUISTICS AND TRANSLATION	18
CREATION AND TRANSLATION OF PUBLIC SIGNAGE FROM THE PERSPECTIVE OF CULTURAL LINGUISTICS: A COMPARATIVE STUDY BETWEEN ENGLISH AND VIETNAMESE	19
BUILDING ENGLISH-VIETNAMESE BILINGUAL ELECTRONIC MATERIALS TO SUPPORT ENGLISH TRANSLATION AND INTERPRETING COURSES.....	45
STRATEGIES APPLIED IN TRANSLATING PROPER NAMES FROM ENGLISH TO VIETNAMESE: A CASE STUDY OF GAME OF THRONES TV SERIES	62
ONTOLOGICAL METAPHOR IN THE LANGUAGE OF THE SERIES THE LEATHERSTOCKING TALES BY JAMES FENIMORE COOPER	80
IS SILENCE AN INTERJECTION? A CASE OF JAPANESE.....	93
LEXICAL COHESION IN THIRD-YEAR ENGLISH- MAJORED STUDENTS' ARGUMENTATIVE ESSAYS: A STUDY AT UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INTERNATIONAL STUDIES, HUE UNIVERSITY	110
CÁC XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ.....	129
RESEARCH TRENDS IN LANGUAGE TEACHING.....	129
THE USE OF COMMUNICATION STRATEGIES IN EFL SPEAKING BY ENGLISH- MAJOR STUDENTS AT A VIETNAMESE UNIVERSITY	130
TRANSLANGUAGING PRACTICES IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING CONTEXT: TEACHERS' PERCEPTION	155
THE EFFECTIVENESS OF COOPERATIVE LANGUAGE LEARNING ON STUDENTS' MOTIVATION AT KOREAN INTERNATIONAL SCHOOL, HCMC	167
FACTORS AFFECTING STUDENTS' ATTITUDES TOWARDS FRENCH: A CASE STUDY IN A VIETNAMESE HIGHER EDUCATION INSTITUTION.....	179

STUDENT ENGAGEMENT WITH AUTOMATED CORRECTIVE FEEDBACK: A CASE STUDY OF GRAMMARLY	195
STUDENTS' INTAKES FOR AN INTERCULTURAL COMMUNICATION COURSE AT A VIETNAMESE UNIVERSITY	211
THE RELATIONSHIP BETWEEN ENGLISH LEARNING MOTIVATION AND CLASSROOM ENGAGEMENT: A STUDY ON STUDENTS' LEARNING ESP	232
NON-ENGLISH MAJOR STUDENTS' PERCEPTION OF DEMOTIVATING FACTORS IN LEARNING ENGLISH.....	243
THE IMPACT OF EFL TEACHERS' FEEDBACK DISCOURSE ON EFL LEARNERS' ORAL PERFORMANCE.....	261
USING QUIZZZ FOR GAME-BASED FORMATIVE ASSESSMENT IN EFL HIGH SCHOOL CLASSES: AN EXAMINATION OF STUDENTS' ENGAGEMENT AND PERCEPTIONS	280
NON-ENGLISH MAJORED STUDENTS' ATTITUDES TOWARDS ENGLISH LANGUAGE LEARNING	302
STUDENTS' FOREIGN LANGUAGE ANXIETY IN ENGLISH LESSONS	315
THE USE OF GROUP INTERACTION TO FOSTER LEARNING AUTONOMY OF UNDERGRADUATE STUDENTS.....	334
A STUDY ON THE CURRENT STATUS OF KOREAN LANGUAGE EDUCATION FOR INTERNATIONAL STUDENTS IN KOREA – FOCUSING ON HANSUNG UNIVERSITY'S LANGUAGE EDUCATION PROGRAM.....	353
PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN TRONG DẠY NGÔN NGỮ[TA]	368
PROFESSIONAL DEVELOPMENT AND CRITICAL THINKING IN LANGUAGE TEACHING[EN].....	368
EXPLORING VIETNAMESE HIGH SCHOOL EFL TEACHERS' PERCEPTIONS AND PRACTICES OF TBLT IN TEACHING SPEAKING	369
SERVICE-LEARNING IN FOREIGN LANGUAGE TEACHER EDUCATION: AN ACTION RESEARCH.....	385
GRADUATES' EVALUATIONS OF THE EFL TEACHER TRAINING PROGRAM AT A REGIONAL UNIVERSITY IN VIETNAM.....	395
AN INVESTIGATION INTO LESSON PLANNING CHALLENGES AMONG ENGLISH PRE-SERVICE TEACHERS IN VIETNAM.....	408
THE EFFECTIVENESS AND CHALLENGES OF EARLY ENGLISH EDUCATION TO FIRST AND SECOND GRADERS: TEACHERS' VOICES	425
CÔNG NGHỆ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG DẠY VÀ HỌC NGÔN NGỮ'	438
THE USE OF AI IN LANGUAGE TEACHING.....	438

ICT INTEGRATION IN PEDAGOGICAL INTERNSHIPS: EFL PRE-SERVICE TEACHERS' EXPERIENCE.....	439
EFL LEARNERS' PERCEPTION OF COLLABORATIVE ESSAY WRITING WITH INFORMATION AND COMMUNICATION TECHNOLOGY.....	456
TEACHERS' PERSPECTIVES ON AI APPLICATION IN TEACHING ENGLISH AT TERTIARY LEVEL.....	477
TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHIẾN LƯỢC TẠO ĐỘNG LỰC ĐẾN THÓI QUEN TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN TRÊN NỀN TẢNG MOODLE: NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	490
“ĐẠO VĂN” TRONG HỌC THUẬT KHI DÙNG AI: QUAN ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN & SINH VIÊN HUFLIT VÀ ĐỀ XUẤT CẢI THIẾN.....	509
NGHIÊN CỨU VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO NHẪM CẢI THIẾN KỸ NĂNG BIÊN DỊCH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	531
CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐÀO TẠO NGOẠI NGỮ BẬC ĐẠI HỌC - GÓC NHÌN CỦA GIẢNG VIÊN	543
NGÔN NGỮ HỌC TIẾNG VIỆT.....	555
VIETNAMESE LINGUISTICS.....	555
TỪ NGỮ LIÊN QUAN ĐẾN CHỮ ‘KHÍ’ TRONG TIẾNG HÁN	556
MỘT SỐ LƯU Ý KHI DỊCH THÀNH NGỮ CÓ YẾU TỐ CHỈ ĐỘNG VẬT TỪ TIẾNG HÁN SANG TIẾNG VIỆT.....	565
KHẢO SÁT CẤU TRÚC VỊ TỪ BIỂU THỊ SẮC THÁI TRONG TẬP LÁ BUÔNG TIẾNG KHMER.....	575
PHÂN TÍCH CÁC POSTER QUẢNG CÁO THƯƠNG MẠI TỪ GÓC ĐỘ NGỮ PHÁP HÌNH ẢNH	584
ĐỐI CHIẾU THÀNH NGỮ TIẾNG NGA MANG Ý NGHĨA “CHẾT” VỚI CÁC CẤU TRÚC TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT	604
NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM TRƯỜNG NGHĨA CỦA TỪ TƯỢNG THANH, TỪ TƯỢNG HÌNH TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT ĐỐI CHIẾU NHÓM TỪ NGỮ MÔ TẢ “KHÓC” VÀ “CƯỜI” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT	621
KHẢO SÁT HỆ THỐNG GIÁO TRÌNH ĐANG SỬ DỤNG CHO ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH BIÊN - PHIÊN DỊCH TIẾNG TRUNG QUỐC TỪ THỰC TẾ GIẢNG DẠY VÀ TUYỂN DỤNG	640
ẤN DỤ “TUYẾT” TRONG TIẾNG VIỆT TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN	653
PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT GIẢNG DẠY VÀ YẾU TỐ LIÊN VĂN HÓA TRONG DẠY NGÔN NGỮ.....	666

METHODS, TECHNIQUES, AND INTERCULTURAL FEATURES IN LANGUAGE TEACHING	666
Ý NGHĨA VĂN HÓA CỦA CÁC MÀU ĐỎ, XANH LÁ, VÀNG, TRẮNG, ĐEN TRONG TIẾNG TRUNG QUỐC VÀ VẬN DỤNG VÀO VIỆC GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG	667
NGHIÊN CỨU PHƯƠNG THỨC HOÁN DỤ TRONG CÁC VĂN BẢN ĐỌC HIỂU TRONG SÁCH HỌC TIẾNG PHÁP INSPIRE.....	685
ĐỊNH KIẾN ĐỐI VỚI NAM GIỚI TRONG NGÔN NGỮ (QUA CÁC NGỮ LIỆU VĂN CHƯƠNG)	701
PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ VIỆC DẠY HỌC KỸ NĂNG VIẾT THEO HƯỚNG TIẾP CẬN TIỀN TRÌNH, TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TIẾNG PHÁP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ.....	712
HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC GIỮA NGƯỜI HỌC (PEER LEARNING) TRONG GIỜ ĐỌC TIẾNG NHẬT TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA NHẬT BẢN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ	725
HIỆU QUẢ CỦA VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ THÔNG QUA CÁC NHIỆM VỤ (TBLT) TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG NHẬT THƯỜNG MẠI TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TRÌNH ĐỘ SƠ TRUNG CẤP, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT	737
NGHIÊN CỨU VIỆC DẠY VÀ HỌC HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ 2-TỔNG HỢP 1.5..	747
ỨNG DỤNG TRÒ CHƠI QUIZZZ TRONG DẠY/HỌC HỌC PHẦN NGỮ PHÁP 2 TẠI KHOA TIẾNG PHÁP – TIẾNG NGÀ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ.....	758
NGHIÊN CỨU LỖI VỀ NGHỊ THỨC LỜI NÓI CỦA HỌC SINH VIỆT NAM KHI XÂY DỰNG HỘI THOẠI TIẾNG NGÀ.....	774
PHÁT TRIỂN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN TRONG DẠY NGÔN NGỮ[TV]	783
PROFESSIONAL DEVELOPMENT AND CRITICAL THINKING IN LANGUAGE TEACHING[VI]	783
NHỮNG PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	784
TÌM HIỂU MỐI QUAN HỆ GIỮA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỐI THOẠI VÀ NIỀM TIN NĂNG LỰC BẢN THÂN CỦA SINH VIÊN TRONG VIỆC HỌC TIẾNG ANH.	796
TÌM HIỂU ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP VIẾT CỘNG TÁC ĐẾN NĂNG LỰC VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN	806

MỘT SỐ LƯU Ý KHI DỊCH THÀNH NGỮ CÓ YẾU TỐ CHỈ ĐỘNG VẬT TỪ TIẾNG HÁN SANG TIẾNG VIỆT

¹Liều Linh Chuyên, ²Phan Phương Thanh, ³Nguyễn Thị Yến

^{1,2}Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

³Trường Cao Đẳng Công nghệ - Ngoại thương, Đà Nẵng

Email: llchuyen@hueuni.edu.vn

Tóm tắt: Thành ngữ thể hiện một cách tinh tế, nhạy cảm những nét đặc sắc của tâm hồn, tình cảm cũng như tính cách của con người. Khi dịch thành ngữ, đặc biệt là thành ngữ có yếu tố chỉ động vật thì cần phải hiểu rõ đặc điểm ngôn ngữ, nội hàm văn hóa thành ngữ và nghĩa biểu trưng của các loại vật được sử dụng trong văn bản nguồn. Để hiểu rõ thêm về cách chuyển dịch thành ngữ có yếu tố động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt, chúng tôi tiến hành thống kê phân loại, phân tích 832 thành ngữ tiếng Hán và tiến hành phân tích các phương pháp chuyển dịch thành ngữ thường dùng. Qua đó, chúng tôi đề xuất một số lưu ý khi dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt nhằm giúp người dịch có thể dịch thành ngữ thuộc loại này một cách hiệu quả hơn.

Từ khóa: dịch thuật, thành ngữ tiếng Hán, động vật

1. Mở đầu

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập các học phần dịch cho chuyên ngành đào tạo Biên, Phiên dịch tiếng Trung Quốc ở các Trường Đại học là vấn đề rất thú vị, hữu ích đối với việc dạy, học và sử dụng ngoại ngữ. Bởi vì dịch thành ngữ đặc biệt là thành ngữ có yếu tố chỉ động vật là một vấn đề phức tạp và phạm vi quá rộng, chẳng hạn: trong tiếng Hán, người ta không nói “*Đầu trâu mặt ngựa*” mà nói “*Đầu hoẵng mặt chuột*” (獐头鼠目) hay không nói “*Miệng hùm gan sứa*” mà là “*To mồm run miệng*” (色厉内荏). Vì vậy, việc dịch thành ngữ bao giờ cũng là một vấn đề khó khăn cho người dạy và người học ngoại ngữ.

Ở Trung Quốc, tác giả 范仲英 (2000), trong công trình “*实用翻译教程*” (*Giáo trình thực hành dịch*) đã khái quát một cách tổng quan về đại cương lý thuyết dịch như: khái niệm dịch thuật, tiêu chuẩn dịch viết, các kỹ xảo dịch và nghiên cứu quá trình dịch; tác giả 赵玉兰 (2002) với công trình “*汉越翻译教程*” (*Giáo trình dịch thuật Hán – Việt*) đã nghiên cứu dịch thuật từ tiếng Hán sang tiếng Việt, tập trung phân tích lý luận và thực tiễn trong quá trình dịch từ tiếng Hán sang tiếng Việt; tác giả 梁远, 温日豪编著 (2005) trong công trình “*实用汉越互译技巧*” (*Kỹ xảo dịch thuật Hán - Việt thực dụng*) đã nghiên cứu một cách toàn diện về lý thuyết và thực tiễn giữa tiếng Hán và tiếng Việt, trên cơ sở đó tác giả đã tiến hành vận dụng vào việc dạy và học; tác giả Phạm Hồng Quý với công trình nghiên cứu “*Lược sử dịch thuật Hán - Việt*” đã nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về tình hình dịch thuật Hán - Việt qua các thời kỳ, cung cấp những tài liệu tham khảo rất có giá trị cho những nhà nghiên cứu khi muốn tìm hiểu về dịch thuật Hán - Việt. Bên cạnh đó, cùng với hướng đi này,

tác giả Lưu Chí Cường với bài viết “*Lược sử và hiện trạng của dịch thuật chuyên ngành Hán - Việt*”, cũng đã giới thiệu khá tỉ mỉ sự phát triển của việc dịch thuật Hán - Việt ở Trung Quốc.

Ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Hữu Cầu (2007) với công trình nghiên cứu “*Lý luận đối dịch Hán - Việt*” đã giúp người đọc có được một cách nhìn tổng quát về những nội dung lý thuyết liên quan đến dịch thuật như: khái niệm dịch thuật, cơ sở ngôn ngữ học trong quá trình dịch thuật. Bên cạnh đó, tác giả còn đi sâu nghiên cứu các biện pháp tu từ trong quá trình dịch thuật, cách xử lý từ vựng, ngữ pháp; nghiên cứu sự khác biệt giữa dịch nói và dịch viết. Ngoài ra, một số bài viết như “*Các phương pháp và thủ pháp dịch thuật - trên cứ liệu dịch thuật Anh - Việt, Những vấn đề ngôn ngữ học*”; “*Cơ sở ngôn ngữ học của nghiên cứu dịch thuật và bộ môn dịch thuật học*”; “*Lược sử nghiên cứu dịch thuật*”; “*Về vấn đề tương đương trong dịch thuật*” của tác giả Nguyễn Hồng Cẩn cũng đã đi sâu nghiên cứu các đặc điểm phương pháp và thủ pháp được sử dụng phổ biến trong dịch thuật qua các thời kỳ.

Trong các giáo trình thực hành tiếng cũng như các giáo trình thuộc chuyên ngành Biên – Phiên dịch đang giảng dạy tại Khoa Tiếng Trung, trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (sau này gọi tắt là Khoa tiếng Trung), số lượng thành ngữ xuất hiện nhiều do thói quen sử dụng thành ngữ thường xuyên của người Trung Quốc trong giao tiếp, trong đó thành ngữ có yếu tố chỉ động vật chiếm một số lượng đáng kể với nội hàm văn hóa phong phú và sâu sắc. Do đó, chúng tôi thấy rằng, việc tìm hiểu thành ngữ tiếng Hán nói chung và thành ngữ có yếu tố chỉ động vật nói riêng trên các bình diện ngữ nghĩa, ngữ dụng, văn hóa, nhằm rèn luyện kỹ năng dịch đối chiếu thành ngữ Hán - Việt cho sinh viên chuyên ngành Biên – Phiên dịch luôn là vấn đề cấp thiết trong quá trình dạy học.

Thông qua khảo sát 823 thành ngữ có yếu tố chỉ động vật tiếng Hán và nghĩa tiếng Việt tương đương, chúng tôi đề xuất một số kỹ năng dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt nhằm giúp người học có thể dịch thành ngữ thuộc loại này đạt hiệu quả hơn.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm về dịch thuật

Cùng với sự phát triển kinh tế và sự hội nhập của các nước trên thế giới, dịch thuật đang ngày càng phát triển và lớn mạnh. Dịch thuật còn là cầu nối ngôn ngữ giữa các quốc gia, giúp cho con người trên khắp thế giới có thể giao tiếp, hiểu và gần gũi nhau hơn. Hiện nay có rất nhiều bài viết, sách chuyên khảo liên quan đến lý luận dịch thuật đã đưa ra nhiều cách giải thích khác nhau về khái niệm dịch thuật, cụ thể như sau:

Tác giả Fedorov's trong cuốn “*Summary of Translation Theory*” cho rằng “*Dịch là việc dùng một ngôn ngữ này để diễn đạt một ngôn ngữ khác trong sự thống nhất không thể tách rời giữa nội dung và hình thức*”.

Theo tác giả J. C. Catford (1965) trong cuốn *“The Linguistic Theory of Translation”* quan niệm rằng *“Dịch thuật là sự thay thế văn bản bằng một ngôn ngữ tương đương (ngôn ngữ đích) bằng một ngôn ngữ khác (ngôn ngữ gốc)”*.

Theo tác giả 范仲英 (Phạm Trung Anh) (2008) trong cuốn *“实用翻译教程”* quan niệm rằng *“... Dịch là sự thể hiện thông tin bằng một ngôn ngữ (ngôn ngữ gốc) sang một ngôn ngữ khác (ngôn ngữ đích), để người đọc văn bản dịch có thể hiểu được ý tưởng diễn đạt bởi tác giả của văn bản gốc và “cảm thụ” được giống như đọc giả của văn bản gốc.”*

Theo tác giả 赵桂华 (Triệu Quế Hoa) (2002) trong cuốn *“翻译理论与技巧”* cho rằng *“Dịch thuật là hoạt động chuyển diễn ngôn từ ngôn ngữ gốc thành diễn ngôn của ngôn ngữ khác. Định nghĩa dịch được hiểu theo nghĩa rộng là: dịch là sự diễn đạt ý nghĩa của một ngôn ngữ sang một ngôn ngữ khác.”*

Tác giả Cao Xuân Hạo (2006) trong bài viết *“Suy nghĩ về dịch thuật”* đăng trên Báo điện tử - Việt Nam net.vn cho rằng *“Sự thay đổi duy nhất mà người dịch có quyền thực hiện là ngôn ngữ, là thứ tiếng mà nguyên bản dùng để biểu đạt những ý nghĩa mà mình muốn biểu đạt, và nhiệm vụ của anh ta chính là dùng một thứ tiếng khác để truyền đạt tất cả những cái gì đã được truyền đạt bằng thứ tiếng kia.”*

Tác giả Nguyễn Thiện Giáp (2012) cho rằng *“...dịch là một hoạt động ngôn ngữ nhằm chuyển ý nghĩa của các biểu thức trong ngôn ngữ này (ngôn ngữ nguồn) sang ý nghĩa của ngôn ngữ khác (ngôn ngữ đích)”*.

Mặc dù các khái niệm về dịch thuật trong các sách chuyên khảo, bài viết trên có phần khác nhau về ngôn ngữ và từ ngữ, nhưng nội dung cơ bản của chúng là giống nhau. Dịch thuật là hoạt động chuyển đổi ngôn ngữ từ một văn bản nguồn sang một văn bản mới bằng một ngôn ngữ khác. Văn bản mới này được gọi là bản dịch.

2.3. Thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán

Ngôn ngữ là vật dẫn của văn hóa, thành ngữ là sản phẩm tích lũy văn hóa phong phú của một dân tộc. Thành ngữ tiếng Hán thường ngắn gọn, sinh động và phản ánh những yếu tố tâm lý, văn hóa của dân tộc Trung Quốc. Chẳng hạn: trong tâm thức của người Trung Quốc, “rồng” là một con vật thần tiên, người Trung Quốc rất sùng bái con rồng, chính vì vậy phần lớn những thành ngữ có liên quan đến “rồng” thường mang ý nghĩa tốt như: “*龙飞凤舞*” (rồng bay phượng múa), “*龙腾虎跃*” (rồng bay hổ chồm), “*画龙点睛*” (vẽ rồng điểm mắt), “*望子成龙*” (mong con thành rồng/ thành tài), “*龙头蛇尾*” (đầu rồng đuôi rắn), “*龙争虎斗*” (long tranh hổ đấu/ ngang tài ngang sức)...

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê, phân loại: căn cứ vào 汉语成语词典 (Từ điển thành ngữ tiếng Hán) chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê những thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán.

Phương pháp, miêu tả, phân tích: Trên cơ sở 10.364 đơn vị thành ngữ có trong quyển “汉语成语词典” (Từ điển thành ngữ tiếng Hán) do Tống Vĩnh Bồi chủ biên (2002), chúng tôi đã thu thập được 823 thành ngữ có yếu tố chỉ động vật. Trên cơ sở phân loại, chúng tôi tiến hành miêu tả phân tích đặc điểm của hệ thống thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán để tìm ra ý nghĩa biểu trưng của chúng, từ đó rút ra một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình dịch thuật.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hệ thống động vật được sử dụng trong thành ngữ tiếng Hán

Trong tổng số 823 thành ngữ có yếu tố chỉ động vật, có đến 79 loài động vật được sử dụng trong thành ngữ tiếng Hán. Những yếu tố liên quan đến gia cầm như: ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn chiếm tỉ lệ cao nhất vì nó có quan hệ mật thiết với đời sống của con người. Tiếp đến là loài thú hung ác như: hổ, sói, và những yếu tố biểu trưng cho sự may mắn là rồng, phượng hoàng. Tần suất xuất hiện của các yếu tố chỉ động vật trong thành ngữ tiếng Hán đã được chúng tôi sắp xếp trong bảng 1 như sau:

Bảng 1

Thống kê số lượng động vật xuất hiện trong thành ngữ tiếng Hán

TT	Tên loài vật	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ (%)	TT	Tên loài vật	Tần số xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	马 ngựa	161	14,29	40	鸿 chim hồng	5	0,44
2	虎 hổ	88	7,81	41	蚌 ngọc trai	5	0,44
3	龙 rồng	80	7,1	42	鸚 chim điều hâu	4	0,35
4	狗 chó	71	6,3	43	鸠 chim gáy	4	0,35
5	鸡 gà	62	5,5	44	豹 báo	4	0,35
6	鱼 cá	60	5,32	45	猿 vượn	4	0,35
7	牛 trâu	53	4,7	46	蟹 cua	4	0,35

8	凤 phương hoàng	52	4,61	47	鹭 cò	3	0,27
9	鸟 chim	32	2,84	48	鸳鸯 chim uyên ương	3	0,27
10	鹤 chim hạc	32	2,84	49	彪 cọp	3	0,27
11	蛇 rắn	31	2,75	50	象 voi	3	0,27
12	鼠 chuột	26	2,31	51	狮子 sư tử	3	0,27
13	乌 quạ	22	1,95	52	熊 gấu	3	0,27
14	狼 sói	22	1,95	53	鳖 ba ba	3	0,27
15	羊 dê	19	1,69	54	螳螂 bọ ngựa	3	0,27
16	兔 thỏ	18	1,6	55	鹦鹉 vẹt	2	0,18
17	燕 chim én	16	1,42	56	鹊 chim khách	2	0,18
18	鸾 chim loan	16	1,42	57	螺 ốc	2	0,18
19	鹰 chim ưng	13	1,15	58	蛀 mọt	2	0,18
20	麻雀 chim sẻ	13	1,15	59	猫 mèo	2	0,18
21	狐狸 cáo	13	1,15	60	蝉 cóc	2	0,18
22	麟 kì lân	11	0,98	61	蜗 ốc sên	2	0,18
23	驴 lừa	11	0,98	62	虾 tôm	2	0,18
24	苍蝇 ruồi	10	0,89	63	貂 chồn	2	0,18
25	蜂 ong	9	0,8	64	蛛 nhện	2	0,18
26	鸭 vịt	8	0,71	65	鷄 chim non mới đẻ	1	0,09
27	蝉 ve	8	0,71	66	鹊 chim trĩ	1	0,09
28	蚁 kiến	8	0,71	67	鸚 chim ó cá	1	0,09
29	龟 rùa	8	0,71	68	蚶 sò	1	0,09
30	猪 lợn	8	0,71	69	蚕 tằm	1	0,09

31	蝶 bướm	7	0,62	70	萤 đom đóm	1	0,09
32	鹿 hươu	7	0,62	71	蚊 muỗi	1	0,09
33	豺狼 sài lang	7	0,62	72	虱 rận	1	0,09
34	雁 chim nhạn	6	0,53	73	蜓 chuồn chuồn	1	0,09
35	莺 chim oanh	6	0,53	74	鲋 bào ngư	1	0,09
36	鹅 ngỗng	6	0,53	75	蛤 ngao	1	0,09
37	猴 khỉ	6	0,53	76	麋 nai	1	0,09
38	蛙 ếch	6	0,53	77	鲸 cá kinh	1	0,09
39	虫 sâu	6	0,53	78	蝎 bò cạp	1	0,09
				79	蛟 thường luồng	1	0,09
					Tổng cộng	1127	100%

4.2. Một số phương pháp được sử dụng khi chuyển dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt

4.2.1. Dịch nguyên văn

Dịch nguyên văn hay còn gọi là dịch thẳng, tiếng Hán gọi là trực dịch “直译” nghĩa là dịch tất cả các thành tố trong thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang âm Hán Việt trong tiếng Việt. Đối với cách chuyển dịch này người dịch giữ nguyên được từ vựng, hình thái, ngữ nghĩa, chẳng hạn như các thành ngữ sau đây:

“佛口蛇心”(Khẩu phật tâm xà)

“豺狼野心”(Dã tâm lang sói)

“坐山观虎斗”(Tọa sơn quan hổ đấu)

4.2.2. Dịch thành ngữ tương đương

Dịch thành ngữ tương đương là cách chuyển dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán bằng những thành ngữ tiếng Việt có nghĩa tương đương. Khi dùng cách dịch này, người dịch sẽ lựa chọn những thành ngữ có nghĩa tương đương trong tiếng Việt để biểu đạt sao cho phù hợp với tư duy và văn hóa của người Việt Nam, chẳng hạn như các thành ngữ sau:

“亡羊补牢”(Mất bò mới lo làm chuồng)

“对牛弹琴”(Đàn gảy tai trâu)

“虎头蛇尾”(Đầu voi đuôi chuột)

Như vậy, thông qua cách chuyển dịch này chúng ta cũng nhận thấy được sự khác biệt về văn hoá của người Trung Quốc và người Việt Nam có sự khác biệt rõ rệt. Cùng một ý nghĩa biểu trưng nhưng người Hán và người Việt lại sử dụng các yếu tố chỉ động vật khác nhau trong việc cấu tạo nên thành ngữ.

4.2.3. Dịch theo ngữ nghĩa

Đây là cách dịch được người Hán gọi là dịch ý (意译). Khi dùng cách dịch này, người dịch chú trọng đến việc dịch ý của thành ngữ tiếng Hán sang tiếng Việt do tiếng Việt không có thành ngữ tương đương. Chúng ta có thể thấy rằng, mỗi dân tộc đều có những đặc trưng tư duy và bản sắc văn hóa riêng. Do vậy, trong quá trình dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt, người dịch thường chọn cách dịch này. Chẳng hạn các thành ngữ sau:

“笼中之鸟”(Chim trong lồng, ví với người mất tự do)

“鸱目虎吻”(Mắt điều hâu môi hổ, ví tướng mạo thâm hiểm độc ác)

“鹬入鸦群”(Chim cắt lao vào bầy quạ, dũng mãnh vô địch)

“如狼似虎”(Độc ác giống như hổ và sói, ác như lang sói)

5. Thảo luận và kiến nghị

Từ những cách chuyển dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt nói trên, người dịch cần lưu ý một số vấn đề sau để có thể nâng cao khả năng dịch thành ngữ trong quá trình thực hiện biên phiên dịch.

5.1. Không lạm dụng từ Hán Việt, nắm vững các thành ngữ tương đương trong tiếng Việt

Có nhiều thành ngữ tiếng Hán đã được chuyển dịch sang thành ngữ tiếng Việt bằng những âm Hán Việt, đây là lợi thế cho người Việt Nam khi học các thành ngữ. Nhiều thành ngữ được người Việt Nam sử dụng từ lâu đời nên người đọc dễ hiểu, dễ đoán. Tuy nhiên, có nhiều thành ngữ người dịch không thể căn cứ trên âm Hán Việt để dịch sang tiếng Việt. Ví dụ “狼猛蜂毒”(Lạng mãnh phong độc), “巴蛇吞象”(Ba xà thôn tượng),... là những âm Hán Việt kết hợp nhưng không rõ nghĩa. Nếu người dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt mà chỉ dừng lại ở việc dịch thành các âm Hán Việt như thế này thì chưa thể có một bản dịch tốt. Bởi lẽ âm Hán Việt thường mang tính khái quát cao, trừu tượng làm người đọc khó hiểu, thậm chí là không thể hiểu.

Ngoài ra, Tiếng Hán và tiếng Việt có rất nhiều thành ngữ có yếu tố chỉ động vật giống nhau, ví dụ “Khẩu Phật tâm xà”(“佛口蛇心”), “đầu trâu mặt ngựa”(牛头马面),... người

dịch chỉ cần trang bị cho bản thân số lượng thành ngữ tiếng Việt và sử dụng thành thạo chúng nhằm hình thành được phản xạ liên tưởng nhanh hơn. Tuy nhiên, đối với các loại thành ngữ này khi dịch người dịch cần chú ý đến trật tự tự giữa tiếng Hán và tiếng Việt, tránh lỗi sai về mặt ngữ pháp.

5.2. Phải hiểu được điển tích điển cố của thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán

Thành ngữ của người Trung Quốc có khá nhiều thành ngữ có nguồn gốc từ những điển cố, những điển cố thành ngữ có xuất xứ từ những sự kiện, câu chuyện lịch sử, vì vậy nghĩa hiển ngôn và nghĩa bóng sẽ có sự khác biệt khá lớn, nên người dịch khi dịch thành ngữ phải tìm hiểu thêm điển cố của thành ngữ thì mới hiểu được nghĩa bóng để tìm ra cách dịch hợp lí. Chính vì vậy, muốn vận dụng thành ngữ một cách chính xác trong quá trình dịch thuật thì người dịch cần phải nắm chắc nguồn gốc, điển tích điển cố của thành ngữ đó.

5.3. Chú ý nghĩa biểu trưng của thành ngữ có yếu tố chỉ động vật

Ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là nhận thức giao tiếp trực tiếp hay thông qua các văn bản mà ngôn ngữ còn hóa thân vào các hình ảnh, sự vật cụ thể để biểu trưng cho một giá trị nào đó gắn liền với cuộc sống con người. Những giá trị biểu trưng này dù ở mức độ nào cũng đều liên quan đến các hiện tượng trong đời sống, xã hội, phản ánh quá trình lịch sử, phong tục tập quán, tín ngưỡng của mỗi dân tộc, đó là những giá trị mang đậm màu sắc văn hóa dân gian. Nghĩa biểu trưng của thành ngữ là những giá trị nhất định mà một cộng đồng văn hoá gán cho sự vật, hiện tượng những thuộc tính căn bản của nó theo cách tư duy, cảm nhận, lý giải của cộng đồng văn hoá đó. Nghĩa biểu trưng làm cho thành ngữ mang nội dung định danh, có sắc thái biểu cảm và tính khái quát hoá cao trong giao tiếp.

Tính biểu trưng trong thành ngữ được thể hiện qua các hình ảnh, sự vật cụ thể được khái quát hoá. Chẳng hạn như thành ngữ: “牛头马面” (Đầu trâu mặt ngựa) cặp từ “头”(Đầu)” “面”(mặt)” biểu trưng cho ngoại hình của một con người. Thành ngữ này có nghĩa là chỉ người có ngoại hình xấu xí, tâm địa độc ác và hành động không hợp với quy chuẩn đạo đức xã hội. Số lượng thành ngữ có yếu tố chỉ động vật trong tiếng Hán khá nhiều. Và mỗi con vật lại có những ý nghĩa biểu trưng khác nhau, vì vậy người dịch phải có một số kiến thức và hiểu biết về từ vựng và ngữ nghĩa trong tiếng Hán và tiếng Việt, đặc biệt là nắm được nghĩa biểu trưng của các yếu tố chỉ động vật xuất hiện trong thành ngữ và sự giống và khác nhau về tri nhận của người Việt Nam và người Trung Quốc.

5.4. Chú ý các phương thức tu từ trong thành ngữ có yếu tố chỉ động vật

Trong thành ngữ có yếu tố chỉ động vật, người Hán thường dùng các yếu tố chỉ động vật để nói đến đạo lý, sự vật, sự việc hoặc con người. Trong thành ngữ này thường dùng hình ảnh loài vật để miêu tả phẩm cách, trạng thái, hành vi cử chỉ, diện mạo của con người hoặc

mượn hình ảnh loài vật làm nổi bật cảnh vật,... Do vậy, ẩn dụ là phương thức tu từ được dùng phổ biến trong thành ngữ có yếu tố chỉ loài vật. Ngoài ra, người xưa rất thích dùng những hình ảnh trữ tình thì loài vật là một trong những hình ảnh đẹp được dùng để ví von, khen ngợi, châm biếm, khuyên răn. Bằng những phương thức này hay phương thức khác như: ẩn dụ, so sánh, ngoa dụ mà người Trung Quốc đã gửi gắm vào các con vật những nội dung hàm ẩn sâu sắc và tế nhị. Đồng thời cũng thông qua các biện pháp tu từ được sử dụng, mới cho người đọc cảm nhận một cách sinh động và ấn tượng sâu sắc đối với mỗi *thành ngữ có yếu tố chỉ động vật*. Chính vì vậy trong quá trình dịch thuật thành ngữ sang tiếng Việt, người học cần phải chú ý các phương thức tu từ được sử dụng trong thành ngữ nhằm dịch đúng với ngữ cảnh.

6. Kết luận

Thành ngữ là một trong những tinh hoa văn hóa của dân tộc, là kho tàng kinh nghiệm quý báu về tất cả những lĩnh vực như: lao động sản xuất, con người, cuộc sống,... được người xưa đúc rút qua nhiều thế hệ. Thông qua thành ngữ chúng ta còn hiểu thêm về nền văn hóa dân tộc.

Dịch thành ngữ tiếng Hán nói chung, cũng như cách chuyển dịch thành ngữ có yếu tố chỉ động vật từ tiếng Hán sang tiếng Việt nói riêng chủ yếu có ba cách thức chính: dịch nguyên văn, dịch thành ngữ tương đương, dịch ngữ nghĩa. Chính vì vậy khi dịch thành ngữ người dịch nên có sự cân nhắc, lựa chọn phương pháp và cách chuyển sao cho phù hợp với từng ngữ cảnh cụ thể. Khi dịch thành ngữ loại này từ tiếng Hán sang tiếng Việt người dịch cần phải tuân theo nguyên tắc là dịch ngắn gọn rõ ràng, không tùy tiện thay đổi ý nghĩa của thành ngữ gốc, nên tìm thành ngữ tương đương trong tiếng Việt trước nhằm giúp người đọc bản dịch dễ hiểu hơn. Bên cạnh đó, người dịch cần chú ý phân biệt nghĩa đen và nghĩa bóng của thành ngữ, tự bỏ nhiều kiến thức liên quan đến điển tích điển cố của thành ngữ, vì thành ngữ có yếu tố chỉ động vật không phải thuần túy là sử dụng nghĩa đen mà phần lớn nó thường gắn với nghĩa bóng hay còn gọi là nghĩa biểu trưng.

Tài liệu tham khảo

Cao Xuân Hạo. (2006). *Suy nghĩ về dịch thuật*. Báo điện tử Việt Nam Net.

Cun, W. Z. (孙维张). (1989). *汉语熟语学*. 吉林教育出版社.

Fan, Z. Y. (范仲英). (2008). *实用翻译教程*. 外语教学与研究出版社.

Fu, H. Q. (符淮青). (2003). *现代汉语词汇*. 北京大学出版社.

Ge, B. Y. (葛本仪). (2001). *现代汉语词汇学*. 东山: 人民出版社.

Liang, Y. (梁远). (2005). *汉越互译技巧*. 北京: 民族出版社.

Mo, P. L. (莫彭龄). (2001). *汉语成语与汉文化*. 江苏教育出版社.

- Nguyễn Hữu Cầu. (2077). *Lý luận đối dịch Hán-Việt*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Zhao, G. H. (赵桂华). (2002). *翻译理论与技巧*. 哈尔滨工业大学出版社.
- Zhao, Y. L. (赵玉兰). (2002). *汉越翻译教程*. 北京: 北京大学出版社.
- Zong, Y. P. (宋永培). (2002). *汉语成语词典*. 四川: 辞书出版社.

SOME CONSIDERATIONS OF TRANSLATION OF IDIOMS THAT HAVE ELEMENTS INDICATING ANIMALS FROM CHINESE TO VIETNAMESE

Abstract: The idioms subtly and sensitively reflect the distinctive features of the soul, emotions, and personality of individuals. Translating idioms, especially those involving animals, requires a deep understanding of the linguistic characteristics and cultural connotations of the idioms, as well as the symbolic meanings of the animals used in the source text. To gain further insight into the translation of Chinese animal-related idioms into Vietnamese, we conducted a statistical classification and analysis of 832 Chinese idioms, followed by an examination of common translation methods. Based on this, we propose some key considerations when translating animal-related idioms from Chinese into Vietnamese, in order to help translators translate these idioms more effectively.

Keywords: translation, Chinese idiom, animal